

Bản án số: 419/2017/HSST

Ngày: 18/12/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đặng Hồng Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tùng

2. Bà Hồ Thị Diệu Hà

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Trần Trung Hiếu - Cán bộ Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Ông Trần Thanh Phú - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 12 năm 2017, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên toà công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 554/2017/HSST ngày 17/10/2017 đối với:

Bị cáo: Nguyễn Ngọc C (tên gọi khác: “Nguyễn Văn N”); Sinh ngày: 1978 tại tỉnh Phú Thọ; Thường trú: Khu X, Thị trấn Y, huyện Z, tỉnh Phú Thọ; Ở: không có chỗ ở nhất định; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 08/12; Con ông ông Nguyễn Văn C (sinh năm 1939) và bà Nguyễn Thị H (sinh năm 1952); Có vợ là Đỗ Thị H (sinh năm 1984) và 01 con là Nguyễn Xuân T (sinh năm 2003); Tiền sự, tiền án (tại thời điểm phạm tội): không; Nhân thân: Ngày 14/01/2009 bị Công an Quận M bắt đi cai nghiện bắt buộc tại trại P, tỉnh Đồng Nai cho đến ngày 15/01/2011 trở về địa phương, Ngày 03/7/2012 bị Công an thị xã D, tỉnh Bình Dương đưa đi cai nghiện ma túy tại Trung tâm giáo dục lao động tỉnh Bình Dương cho đến ngày 15/01/2014 trở về địa phương, Ngày 26/8/2014 bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương tuyên phạt 03 năm tù giam về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” cho đến ngày 02/9/2016 chấp hành xong hình phạt tù, Ngày 27/6/2016 Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương tuyên phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày 07/9/2016.

Bị cáo hiện đang chấp hành án phạt tù tại trại giam P, tỉnh Bình Dương.
(Có mặt tại phiên tòa)

Người bị hại: Ông Phạm Công B. Sinh năm: 1958.

Địa chỉ thường trú: A1, Khu phố G, phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt tại phiên tòa)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ NLQ1. Sinh năm: 1978.

Thường trú: Tổ F, thị trấn C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. (Vắng mặt tại phiên tòa)

+ NLQ2. Sinh năm 1983.

Thường trú: Đội F, thôn T, xã X, huyện M, tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội). (Vắng mặt tại phiên tòa)

NHẬN THẤY:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 29/6/2006, Nguyễn Ngọc C điện thoại cho Phạm Công B giả vờ hỏi mua 250.000 đồng ma túy và hẹn địa điểm giao hàng tại khu vực đường ống nước gần cây xăng Quân khu 7, phường Trung Mỹ Tây, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Khi B đang giao ma túy cho C thì NLQ1 điều khiển xe gắn máy hiệu Suzuki FX biển số 67H5-5268 (của C) chở Thái Bá Đ và đối tượng H1 (chưa rõ lai lịch) chạy đến. Đ nhảy xuống xe, dùng 01 tấm thẻ công nhân màu đỏ đưa lên cho B thấy rồi tự xưng là cảnh sát hình sự đang thi hành công vụ, với mục đích làm cho B hoảng sợ, không dám tri hô và chống cự. Sau đó, Đ giả vờ đuổi đánh, tạo cơ hội cho C bỏ chạy tẩu thoát. Tiếp sau đó, NLQ1 cùng với Đ và H1 dùng vũ lực lục soát người của B lấy một số tài sản (theo bị hại khai bao gồm 01 điện thoại di động Nokia, 01 bóp da bên trong có 270.000 đồng, 01 chiếc nhẫn 0.7 chỉ vàng 18K cần hột màu đỏ, 01 đồng hồ đeo tay, 01 gói thuốc lá Caraven, tổng giá trị tương đương 2.120.000 đồng).

Sau khi cướp được tài sản, H1 lấy xe gắn máy (của B) chở B, còn Đ lấy xe hiệu FX (của C) chở NLQ1 đến đoạn cầu vượt Quang Trung, Quận M thì dừng xe lại, giả vờ tạo cơ hội cho B lấy xe bỏ chạy nhưng B không dám. Sau đó, bọn chúng tiếp tục chở B chạy về ngã tư An Suông, Quận M thì B nghi ngờ mình bị lừa nên yêu cầu dừng xe lại. Lúc này, NLQ1 yêu cầu B chạy xe gắn máy (của B) chở NLQ1, còn H1 chạy xe FX của (của C) chở Đ cùng toàn bộ số tài sản kể trên bỏ chạy tẩu thoát. Riêng NLQ1 khi được B chở đến khu vực chợ Lạc Quang, Quận M thì không thấy Đ và H1, NLQ1 liền chồm người lên phía trước, tắt ổ khóa xe của B rồi nhảy xuống xe định chạy bộ nhằm tẩu thoát. Anh B khi biết mình bị lừa đã truy hô và được anh NLQ2 cùng anh Trần Quốc H hỗ trợ bắt giữ NLQ1, giải về trụ sở Công an phường Trung Mỹ Tây, Quận M lập biên bản phạm tội quả tang.

Ngày 03/7/2006, Nguyễn Ngọc C kể lại sự việc trên cho vợ là chị Đỗ Thị H nghe và được chị Đỗ Thị H động viên nên C đã đến Công an Quận M đầu thú. Sau khi cơ quan điều tra khởi tố bị can và áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với C thì C bỏ trốn. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã ra quyết định truy nã đối với C.

Ngày 24/7/2007, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã đưa vụ án ra xét xử đối với bị cáo NLQ1 về tội “Cướp tài sản” theo điểm a, khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999. Đến ngày 07/9/2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T, tỉnh Bình Dương ra lệnh bắt, tạm giam đối với C về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” và thông báo cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh phục hồi vụ án đối với Nguyễn Ngọc C.

Qua quá trình điều tra, Nguyễn Ngọc C đã khai nhận bản thân và NLQ1 là các đối tượng nghiện ma túy. Khoảng 19 giờ ngày 29/6/2006, Nguyễn Ngọc C đã chủ mưu cho NLQ1 cùng với Thái Bá Đ và đối tượng tên H1 (chưa rõ lai lịch) gặp nhau bàn bạc và thống nhất việc giả danh cảnh sát hình sự để cướp tài sản của Phạm Công B (là đối tượng thường xuyên bán ma túy cho C), diễn biến sự việc xảy ra như đã xác định trên đây. Tuy nhiên, C không biết NLQ1, Thái Bá Đ và H1 lấy được bao nhiêu loại tài sản của B và giá trị là bao nhiêu.

** Về trách nhiệm dân sự trong vụ án:* Theo bản án hình sự sơ thẩm số 712/2007/HSST ngày 24/7/2007 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên nội dung: “...Do anh B đã đi khỏi nơi cư trú và những người trực tiếp chiếm đoạt tài sản đã bỏ trốn nên không có cơ sở xác định chính xác số tài sản đã chiếm đoạt của bị hại là bao nhiêu, Hội đồng xét xử tách phần bồi thường thiệt hại và dành quyền khởi kiện vụ án dân sự khi B có đơn yêu cầu”.

** Về vật chứng của vụ án:* Đã xử lý theo bản án hình sự sơ thẩm số 712/2007/HSST ngày 24/7/2007 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại bản cáo trạng số 394/CT-VKS-P2 ngày 12 tháng 10 năm 2017 của Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc C về tội “Cướp tài sản” theo điểm a, khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh sau khi nêu lại nội dung vụ án, phân tích tính chất và hậu quả của vụ án đối với người bị hại, đối với xã hội, về tình tiết tăng nặng bị cáo không phải chịu tình tiết nào, về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cần áp dụng là bị cáo đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải. Từ nhận định trên, đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc C phạm tội “Cướp tài sản”, áp dụng điểm a, khoản 2 Điều 133 và điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009) xử phạt bị cáo C tù 07

(bảy) năm đến 08 (tám) năm tù, đồng thời xử lý trách nhiệm dân sự và án phí theo các quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Ngọc C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Bản cáo trạng đã nêu và đồng ý với kết luận của đại diện Viện kiểm sát, đồng thời bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ để sớm trở về đoàn tụ với gia đình.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Ngọc C đã khai báo phù hợp với lời khai có trong hồ sơ vụ án, lời khai của người bị hại, của bị cáo NLQ1 là đồng phạm với bị cáo C, của các người làm chứng tại cơ quan điều tra cũng như các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã khẳng định được hành vi phạm tội của bị cáo. Từ đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận như sau:

Nguyễn Ngọc C và NLQ1 là các đối tượng nghiện ma túy. Khoảng 19 giờ ngày 29/6/2006, Nguyễn Ngọc C đã chủ mưu cho NLQ1 cùng với Thái Bá Đ và đối tượng tên H1 (chưa rõ lai lịch) gặp nhau bàn bạc và thống nhất việc giả danh cảnh sát hình sự để cướp tài sản của Phạm Công B (là đối tượng thường xuyên bán ma túy cho C).

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 29/6/2006, Nguyễn Ngọc C điện thoại cho Phạm Công B giả vờ hỏi mua 250.000 đồng ma túy và hẹn địa điểm giao hàng tại khu vực đường ống nước gần cây xăng Quân khu 7, phường Trung Mỹ Tây, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Khi B đang giao ma túy cho C thì NLQ1 điều khiển xe gắn máy hiệu Suzuki FX biển số 67H5-5268 (của C) chở Thái Bá Đ và đối tượng H1 (chưa rõ lai lịch) chạy đến. Đ nhảy xuống xe, dùng 01 tấm thẻ công nhân màu đỏ để giả làm cảnh sát hình sự đe dọa B hoảng sợ, không dám tri hô và chống cự. Sau đó, Đ giả vờ đuổi đánh, tạo cơ hội cho C bỏ chạy tẩu thoát. Tiếp sau đó, NLQ1 cùng với Đ và H1 dùng vũ lực lục soát người của B lấy một số tài sản (theo bị hại khai bao gồm 01 điện thoại di động Nokia, 01 bóp da bên trong có 270.000 đồng, 01 chiếc nhẫn 0.7 chỉ vàng 18K cần hột màu đỏ, 01 đồng hồ đeo tay, 01 gói thuốc lá Caraven, tổng giá trị tương đương 2.120.000 đồng).

Sau khi cướp được tài sản, H1 lấy xe gắn máy (của B) chở B, còn Đ lấy xe hiệu FX (của C) chở NLQ1 đến đoạn cầu vượt Quang Trung, Quận M thì dừng xe lại, giả vờ tạo cơ hội cho B lấy xe bỏ chạy nhưng B không dám. Sau đó, bọn chúng tiếp tục chở B chạy về ngã tư An Sương, Quận M thì B nghi ngờ

mình bị lừa nên yêu cầu dừng xe lại. Lúc này, NLQ1 yêu cầu B chạy xe gắn máy (của B) chở NLQ1, còn H1 chạy xe FX của (của C) chở Đ cùng toàn bộ số tài sản kể trên bỏ chạy tàu thoát. Riêng NLQ1 khi được B chở đến khu vực chợ Lạc Quang, Quận M thì không thấy Đ và H1, NLQ1 liền chồm người lên phía trước, tắt ồ khóa xe của B rồi nhảy xuống xe định chạy bộ nhằm tàu thoát. Anh B khi biết mình bị lừa đã truy hô và được anh NLQ2 cùng anh Trần Quốc H hỗ trợ bắt giữ NLQ1, giải về trụ sở Công an phường Trung Mỹ Tây, Quận M lập biên bản phạm tội quả tang.

Trong vụ án này, bị cáo C cùng với NLQ1, Thái Bá Đ và đối tượng tên H1 cùng bàn bạc, cấu kết chặt chẽ với nhau, vạch ra kế hoạch để thực hiện việc cướp tài sản, dưới sự điều khiển thống nhất của người cầm đầu là bị cáo C. Các bị cáo còn vạch ra phương án tàu thoát sau khi đã chiếm đoạt được tài sản của người bị hại. Hành vi phạm tội của bị cáo C đã đầy đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản” thuộc trường hợp định khung tăng nặng “Phạm tội có tổ chức” quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 133 của Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009). Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo về tội “Cướp tài sản”, cũng như đề nghị mức hình phạt căn cứ theo điều khoản nêu trên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Ngọc C đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác. Bị cáo C vì muốn kiếm tiền để thỏa mãn cơn nghiện đã cùng với các đồng phạm khác tổ chức chặt chẽ với nhau, dùng thủ đoạn nguy hiểm khiến cho người bị hại lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an trong xã hội. Bản thân bị cáo C đã được gia đình động viên đầu thú trước cơ quan điều tra nhưng sau đó đã cố ý bỏ trốn khỏi địa phương gây khó khăn cho công tác điều tra và xét xử vụ án, thể hiện ý thức coi thường và bất chấp pháp luật của bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Nguyễn Ngọc C không phải chịu tình tiết tăng nặng nào quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Ngọc C đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với các hành vi phạm tội mà mình đã gây ra nêu trên. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p, khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009) để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà tích cực cải tạo bản thân và cũng là cơ sở để chấp nhận một phần yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

Từ những lập luận trên, cần thiết phải xét xử bị cáo C một mức án nghiêm khắc tương đương với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại trại giam trong một thời gian nhất định, nhằm cải tạo, giáo dục riêng và răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội, cũng là để bị cáo có thời gian tự rèn luyện trở thành người công dân lương thiện và biết tôn trọng pháp luật.

Về việc tổng hợp hình phạt: Theo bản án số 130/2017/HSST ngày 27/6/2017 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã xử phạt bị cáo 03 năm 06 tháng tù về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày 07/9/2016. Do đó cần tổng hợp bản án theo quy định của pháp luật.

Về vật chứng của vụ án: Đã xử lý theo bản án hình sự sơ thẩm số 712/2007/HSST ngày 24/7/2007 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nên Hội đồng xét xử không xem xét nữa.

Về trách nhiệm dân sự: Đến thời điểm xét xử bị cáo Nguyễn Ngọc C thì người bị hại Phạm Công B tiếp tục vắng mặt và không rõ nơi cư trú, do đó không có cơ sở để xác định chính xác loại và giá trị tài sản đã chiếm đoạt của bị hại là bao nhiêu, Hội đồng xét xử xét thấy việc tách phần bồi thường thiệt hại và dành quyền khởi kiện một vụ án dân sự khác khi người bị hại Phạm Công B có đơn yêu cầu là cần thiết.

Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự theo quy định của pháp luật hiện hành.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa và người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo theo các quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Ngọc C** (tên gọi khác: “Nguyễn Văn N”) phạm tội “**Cướp tài sản**”.

Áp dụng điểm a, khoản 2 Điều 133; điểm p, khoản 1 Điều 46; Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009),

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc C 07 (Bảy) năm tù. Tổng hợp hình phạt với mức án 03 năm 06 tháng tù theo bản án số 130/2017/HSST ngày 27/6/2017 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã xét xử bị cáo về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 10 (Mười) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 07/9/2016.

- Về án phí: Áp dụng Điều 98, 99 Bộ luật tố tụng hình sự và áp dụng Điều 22 và 23 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử

dụng án phí và lệ phí toà án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, cùng danh mục án phí, lệ phí toà án,

Bị cáo Nguyễn Ngọc C phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng).

- Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 231, 233, 234 Bộ luật tố tụng hình sự,

Bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 18 tháng 12 năm 2017) để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo về quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND Tối cao; (1)
- TAND Cấp cao tại TPHCM; (1)
- VKSND TPHCM; (3)
- Cục THADS; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- Trại giam; (1)
- Bị cáo; (1)
- Bị hại (1)
- Người CQLNVLQ (2)
- THAHS; (1)
- P. PC 53 - CA TPHCM; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (2)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ. (22) (6)

Đặng Hồng Sơn

